

Land&Life

MAGAZINE

No. 15 / BÌNH DƯƠNG July 2021 / WWW.PMCWEB.VN

BẢN ĐỒ
HÀNH CHÍNH
HUYỆN/TP

CHỈ TIÊU
PHÁT TRIỂN CHÍNH
GIAI ĐOẠN 2020-2025

BÌNH DƯƠNG (2021-2025)

LƯU HÀNH NỘI BỘ



Greeting

from Editor!



Quý độc giả thân mến,

Chúng ta đang đi những bước đi đầu tiên của thập kỷ thứ ba của thế kỷ XXI. Đặc biệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã thông qua với những chiến lược phát triển quốc gia cho giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 – mốc 100 năm thành lập Đảng và năm 2045 – kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong số này, chúng ta cùng đi tìm hiểu về tỉnh Bình Dương với những định hướng phát triển trong thập kỷ mới.

Bình Dương thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là khu vực phát triển năng động nhất của cả nước. Với đặc điểm là vùng công nghiệp trẻ, năng động và có sức bật cao, có tiềm năng lớn, luôn đi đầu với chủ trương đầu tư nhất quán, Bình Dương đã trở thành “điểm sáng” trong thu hút đầu tư trong những năm qua, là một trong những địa phương dẫn đầu và có nhiều thành công trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa; đóng góp quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, đứng trước những thời cơ và những thách thức mới, Bình Dương phấn đấu xây dựng tỉnh Bình Dương phát triển bền vững theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại; đến năm 2030, Bình Dương trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, đến năm 2045 là đô thị thông minh của vùng và cả nước. Các chỉ tiêu phát triển cụ thể của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Wan Tuan
Ho Mau Tuan

Chịu trách nhiệm nội dung

VNMedia

Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Phó tổng biên tập

Hồ Mậu Tuấn

Hội đồng biên tập

Nguyễn Hồng Minh

Nguyễn Hoàng Thanh

Nguyễn Quang Huy

Hoàng Minh Nguyễn

Lưu Hồng Hải

Lê Hoàng

Nguyễn Đức Dũng

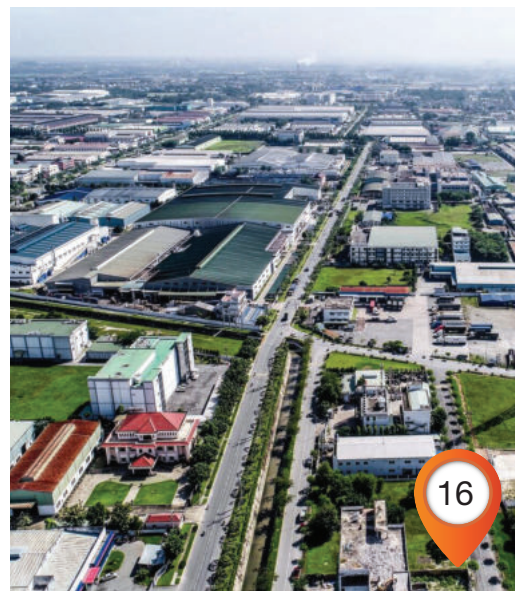
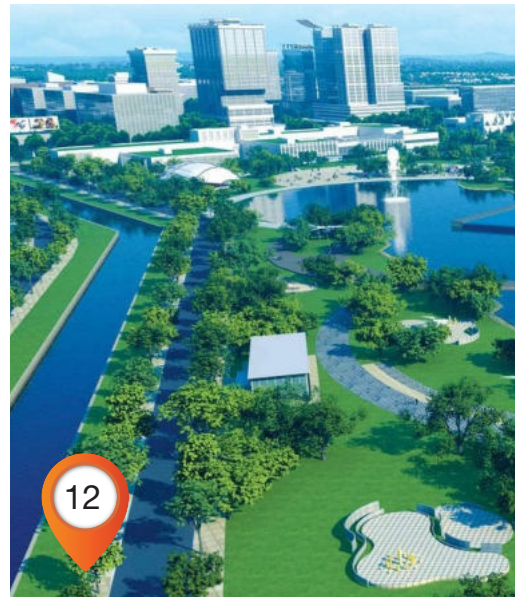
Lê Tiến Trung

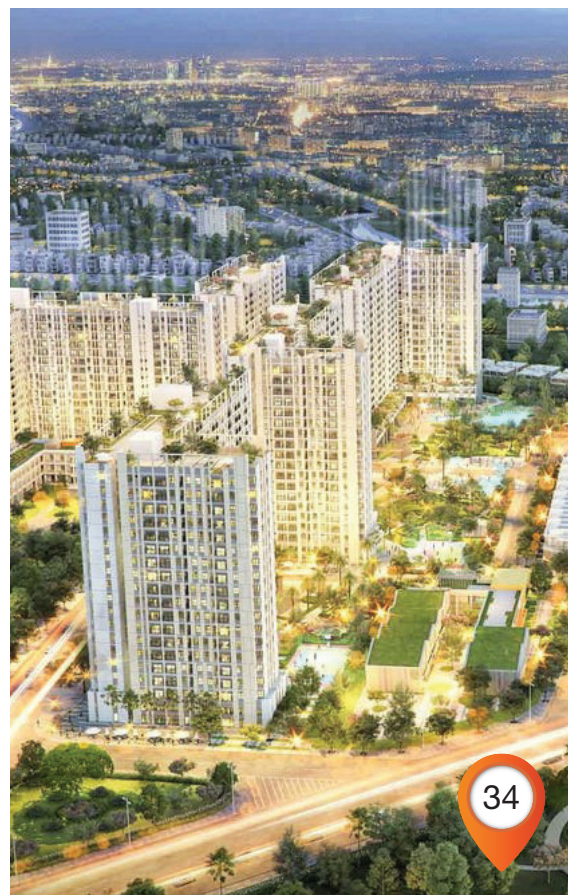
Nguyễn Văn Thiệp

Lê Minh Dũng

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng





BÌNH DƯƠNG

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH DƯƠNG



VỊ TRÍ

Tọa độ địa lý từ 10°52'00" đến 11°30' 00" vĩ độ Bắc và từ 106°20' 00" đến 106°57'00" kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước

Phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai

Phía Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh

Phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh

Bản đồ hành chính tỉnh Bình Dương (Ảnh: Quecui)



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 2.694,64 km²

Dân số trung bình: 2.568.589 người

Mật độ dân số: 953 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tỉnh Bình Dương gồm:

- 09 ĐVHC cấp huyện, gồm 03 thành phố (Thủ Dầu Một, Dĩ An và Thuận An), 02 thị xã (Tân Uyên và Bến Cát), 04 huyện (Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phú Giáo và Bắc Tân Uyên).
- 91 ĐVHC cấp xã, gồm 42 xã, 45 phường và 04 thị trấn.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Tiếp tục xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền.

Đẩy mạnh mô hình tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và thực hiện các đột phá chiến lược.

Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tăng cường hoạt động đối ngoại.

Phấn đấu xây dựng tỉnh Bình Dương phát triển bền vững theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại.

Đến năm 2030, Bình Dương trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, đến năm 2045 là đô thị thông minh của vùng và cả nước





Kinh tế

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng bình quân 8,5 - 8,7%/năm.
2. Cơ cấu kinh tế (GRDP) với tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm trên 90%.
3. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng trên 8,7%/năm.
4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 14 - 15%/năm.
5. GRDP bình quân đầu người đạt từ 210 - 215 triệu đồng vào năm 2025.
6. Thu ngân sách tăng 8%/năm.
7. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm 33 - 34%/GRDP.
8. Thu hút đầu tư nước ngoài đạt trên 9 tỷ đô la Mỹ.

Xã hội

1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85% năm 2025.
2. Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân đạt 10 vào năm 2025; số giường bệnh/vạn dân đạt 27 giường (không tính tuyến xã).
3. Tỷ lệ hộ nghèo thuộc chỉ tiêu giảm nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều mới dưới 2,5%.
4. Diện tích nhà ở bình quân đạt 31,5 m²/người.

Môi trường

1. Tỷ lệ chất rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 99% năm 2025.
2. Tỷ lệ che phủ cây lâm nghiệp và cây lâu năm duy trì ở mức 57,5%.

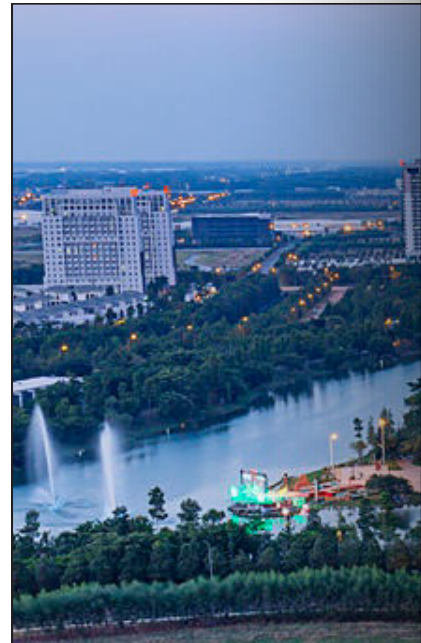
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Đảng

- 1 Tăng cường xây dựng cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh.
- 2 Phấn đấu hàng năm có từ 85% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- 3 Đến cuối nhiệm kỳ phát triển được 9.500 Đảng viên mới.

Đô thị

- 1 Tỷ lệ lượng thông tin cung cấp cho người dân có cơ chế phản hồi thông tin đạt 70%.
- 2 Tỷ lệ bến đỗ, nhà ga có cung cấp thông tin giao thông theo thời gian thực đạt 50%.
- 3 Tỷ lệ dân cư có bệnh án điện tử đạt 50%; 100% các cơ sở y tế cấp tỉnh, huyện cho phép đăng ký khám chữa bệnh thông qua các ứng dụng ICT; 70% các điểm công cộng được lắp hệ thống giám sát an ninh; 100% các sở ngành xây dựng danh mục tài nguyên thông tin và thực hiện chia sẻ.





Quốc phòng, an ninh

- 1 Giáo dục quốc phòng an ninh cho các đối tượng hàng năm đạt từ 90% trở lên.
- 2 Tuyển quân hàng năm ddtj 100% chỉ tiêu, tỷ lệ Đảng viên chính thức nhập ngũ đạt 1% trở lên.
- 3 Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ toàn tỉnh đạt tỷ lệ 1,28% so với dân số.
- 4 Xây dựng lực lượng dự bị động viên đạt từ 95 - 100% theo chỉ tiêu được giao.
- 5 Xây dựng từ 1-2 công trình lưỡng dụng trong căn cứ chiến đấu (khu vực phòng thủ cấp tỉnh, huyện, thị, thành phố).
- 6 Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, hàng năm phấn đấu kiềm chế, kéo giảm từ 3 - 5% số vụ phạm pháp hình sự.
- 7 Tiếp tục kiềm chế, kéo giảm giao thông trên cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết và số người bị thương), làm giảm số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng.
- 8 Thực hiện tốt công tác phòng, chống cháy nổ, kéo giảm số vụ cháy nổ lớn.

Thành Phố Thủ Dầu Một

VỊ TRÍ

Thành phố Thủ Dầu Một là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của tỉnh Bình Dương, được công nhận là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 1959/QĐ-TTg ngày 06/12/2017 của Thủ tướng.

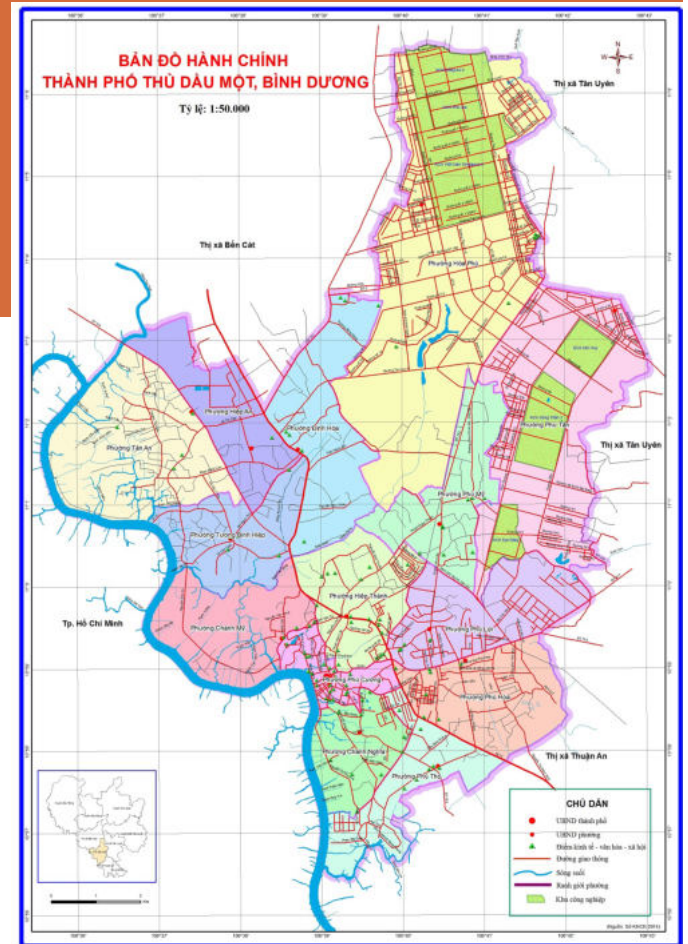
Vị trí địa lý của thành phố:

Phía Đông giáp thị xã Tân Uyên

Phía Tây giáp thành phố Hồ Chí Minh.

Phía Nam giáp thành phố Thuận An.

Phía Bắc giáp thị xã Bến Cát.



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 118,91 km².

Dân số trung bình: 351.893 người.

Mật độ dân số: 2.959 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Thủ Dầu Một có 14 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 14 phường: Phú Cường, Hiệp Thành, Chánh Nghĩa, Phú Thọ, Phú Hòa, Phú Lợi, Hiệp An, Định Hòa, Phú Mỹ, Hòa Phú, Phú Tân, Chánh Mỹ, Tương Bình Hiệp, Tân An.

Mục tiêu tổng quát



Tiếp tục xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển đô thị Thủ Dầu Một theo hướng đô thị tăng trưởng xanh, thông minh.

Tiếp tục phát triển kinh tế theo cơ cấu "Dịch vụ - Công nghiệp và Nông nghiệp đô thị", ưu tiên phát triển mạnh dịch vụ chất lượng cao, nâng cao chất lượng môi trường sống, cảnh quan đô thị theo hướng bền vững

Đảm bảo công tác quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đảm bảo an sinh xã hội.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý ngang tầm với nhiệm vụ trong tình hình mới, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả tham nhũng, lãng phí, quan liêu.



Tiếp tục thực hiện cơ bản hoàn thành Nghị quyết 17-NQ/TU, ngày 14/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển đô thị Thủ Dầu Một đến năm 2020 và các năm tiếp theo gắn với thực hiện tốt việc vận động xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh đô thị.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030



Đảng - Chính trị

- 1 Phấn đấu 80% trở lên cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm, trong đó có 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có cơ sở không hoàn thành nhiệm vụ.
- 2 Phấn đấu 90% trở lên đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- 3 Thu hút 80% quần chúng trong nguồn được tập hợp vào tổ chức của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.
- 4 Xây dựng lực lượng nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đạt 15% so với tổng số đoàn viên, hội viên.
- 5 Kết nạp 1.100 đảng viên.
- 6 Phấn đấu hàng năm Đảng bộ, chính quyền, UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội của thành phố đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Kinh tế

- 1 Cơ cấu kinh tế theo hướng Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp với tỷ trọng tương ứng: Dịch vụ 60,90% - Công nghiệp 39,07% - Nông nghiệp 0,03%.
- 2 Tăng trưởng kinh tế bình quân 27,39%/năm.
- 3 Giá trị dịch vụ tăng bình quân 27,50%/năm.
- 4 Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân 7,68%/năm.
- 5 Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 27,20%/năm.
- 5 Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng bình quân 24,93%/năm.
- 6 Thu ngân sách tăng bình quân 8%/năm.
- 7 Chi ngân sách tăng bình quân 8%/năm.

Văn hóa

- 1 Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt từ 98% trở lên.
- 2 Tỷ lệ khu phố văn hóa đạt từ 97%.
- 3 Tỷ lệ phường có thiết chế văn hóa đạt 100%.
- 4 Tỷ lệ học sinh tiểu học đi học trong độ tuổi đạt 100%.
- 5 Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học trong độ tuổi đạt từ 99%.
- 6 Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt 82,6%.
- 7 Tỷ lệ trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia đạt 76,19%.
- 8 Tỷ lệ trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia đạt 92,3%.
- 9 Tỷ lệ trường trung học phổ thông đạt 100%.



Xã hội - Quốc phòng an ninh

- 1 Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm hàng năm 0,1%.
- 2 Tỷ lệ phường đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp trẻ em đạt 100%.
- 3 Tỷ lệ phường bác sĩ phục vụ là 100%.
- 4 Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới của tỉnh còn dưới 1%.
- 5 Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 99%.
- 6 Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt từ 99,5% trở lên.
- 7 Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý đạt quy chuẩn từ 80%.
- 8 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 100%.
- 9 Tỷ lệ lượng rác thải thu gom được xử lý đạt 100%.
- 10 Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 85% trở lên.
- 11 Số lao động được tạo việc làm là 30.000 người.
- 12 Giao quân hàng năm đạt 100% quân số, đảm bảo chất lượng
- 13 Tỷ lệ kéo giảm tội phạm đạt từ 3%/năm trở lên; tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí.

HUYỆN BÀU BÀNG

VỊ TRÍ

Huyện Bầu Bàng nằm ở phía Bắc tỉnh Bình Dương, có địa giới hành chính:

Phía Đông giáp huyện Phú Giáo;

Phía Tây giáp huyện Dầu Tiếng

Phía Nam giáp thị xã Bến Cát;

Phía Bắc giáp huyện Chơn Thành (tỉnh Bình Phước).

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

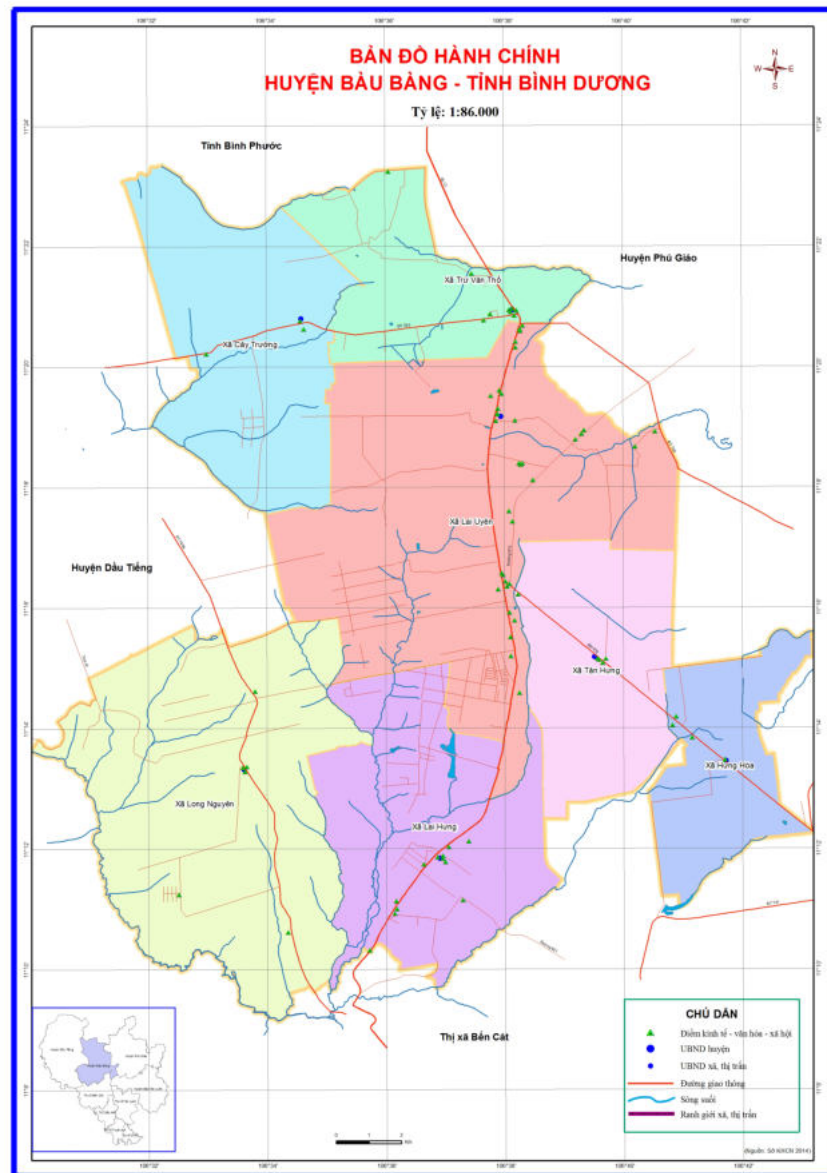
Diện tích: 340,02 km².

Dân số trung bình: 100.328 người.

Mật độ dân số: 295 người/km²

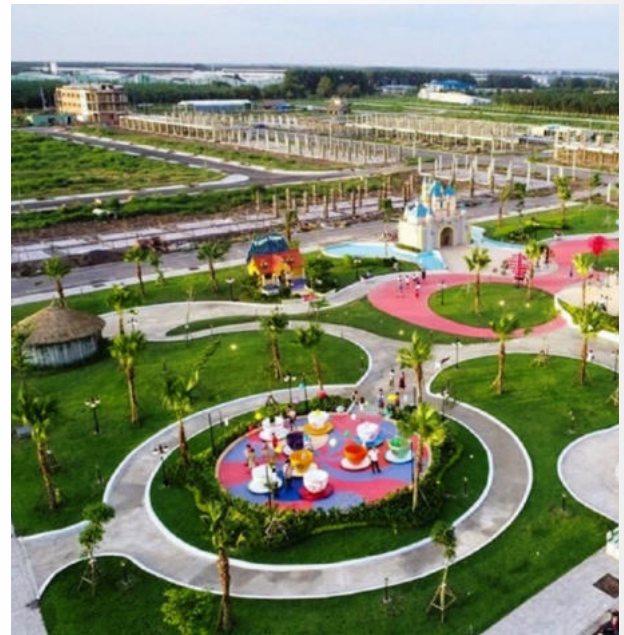
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bầu Bàng có 7 đơn vị hành chính cấp xã, gồm thị trấn Lai Uyên và 6 xã: Cây Trường II, Hưng Hòa, Lai Hưng, Long Nguyên, Tân Hưng, Trù Văn Thố.



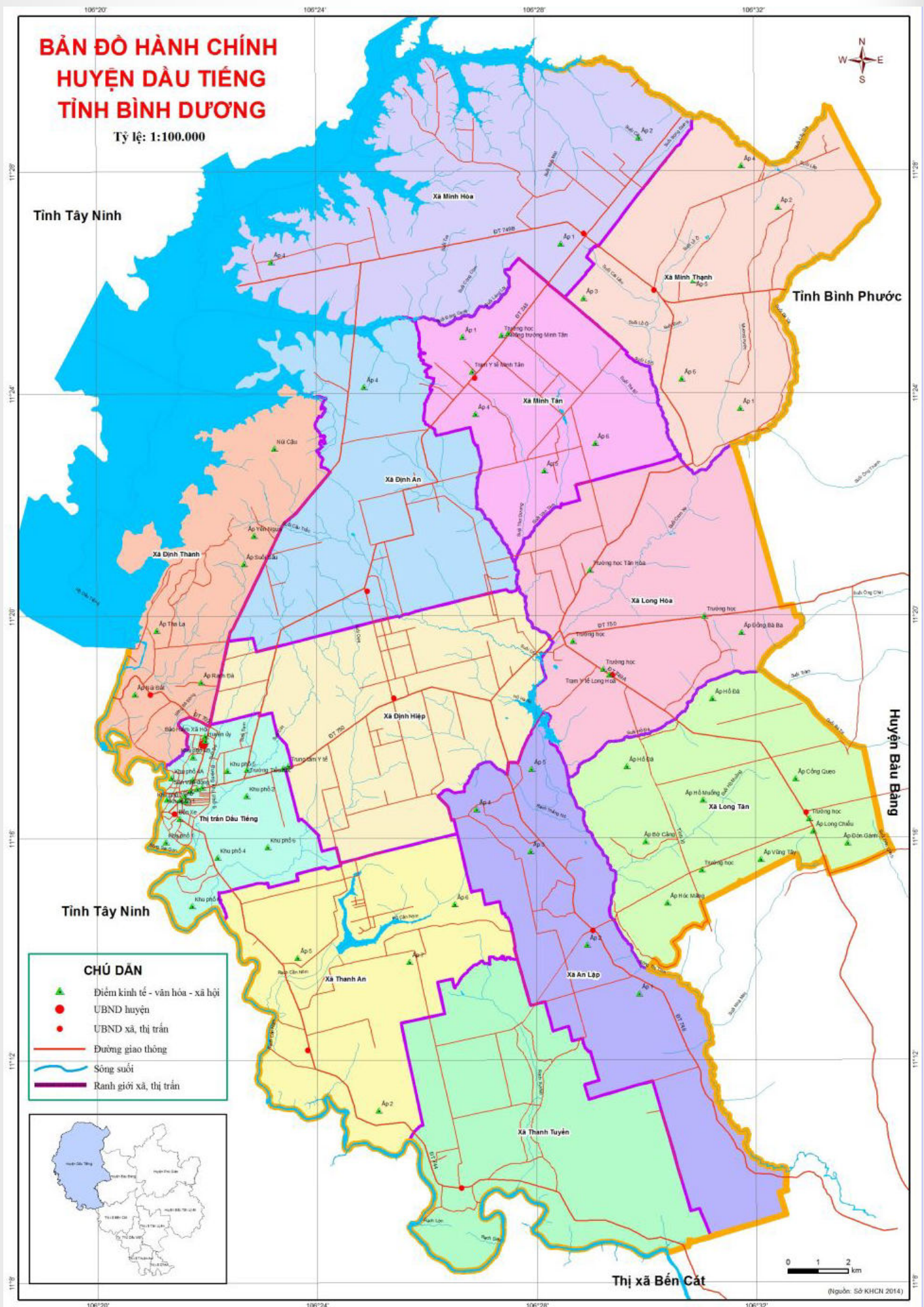
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, xây dựng huyện Bàu Bàng phát triển, sớm trở thành Trung tâm Công nghiệp - Đô thị phía Bắc của tỉnh Bình Dương”



- 1 Phấn đấu đạt mức tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nông nghiệp.
- 2 Tổng giá trị sản xuất toàn ngành kinh tế tăng bình quân hàng năm 21%. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 20 - 22%, thương mại - dịch vụ tăng 24 - 26%, nông nghiệp tăng 5 - 6%.
- 3 Phấn đấu 2 xã đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao.
- 4 Phấn đấu trong nhiệm kỳ phát triển mới 400 đảng viên.







HUYỆN DẦU TIẾNG

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 721,10 km².
Dân số trung bình: 121.727 người.
Mật độ dân số: 169 người/km²

VỊ TRÍ

Dầu Tiếng là một huyện phía bắc của tỉnh Bình Dương, cách trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương khoảng 50 km.

Phía Bắc giáp huyện Bình Long (tỉnh Bình Phước).

Phía Đông và Đông Nam giáp thị xã Bến Cát (tỉnh Bình Dương).

Phía Tây Bắc và Tây Nam giáp huyện Dương Minh Châu (tỉnh Tây Ninh).

Phía Nam giáp huyện Củ Chi (thành phố Hồ Chí Minh).

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Dầu Tiếng có 12 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Dầu Tiếng (huyện lỵ) và 11 xã: An Lập, Định An, Định Hiệp, Định Thành, Long Hòa, Long Tân, Minh Hòa, Minh Tân, Minh Thạnh, Thanh An, Thanh Tuyền.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, huy động mọi nguồn lực, bảo đảm quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng huyện Dầu Tiếng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và phát triển toàn diện, bền vững

Kinh tế

- 1 Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế mỗi năm bình quân 14,6%.
- 2 Cơ cấu giá trị sản xuất: Công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp (57,16%; 27,52%; 15,32%).
- 3 Thu ngân sách năm sau so với năm trước tăng từ 10% trở lên.
- 4 Vốn đầu tư toàn xã hội 10.000 tỉ đồng; trong đó vốn đầu tư công là 2.600 tỉ đồng.
- 5 100% xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, phấn đấu có 1 - 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Xã hội

- 1 Số lao động được giải quyết việc làm mới 10.000 người, tỷ lệ qua đào tạo 90%.
- 2 Giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt chỉ tiêu của tỉnh.
- 3 Trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia 100%.
- 4 Tỷ lệ trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn Quốc gia 80 - 85%.





Môi trường

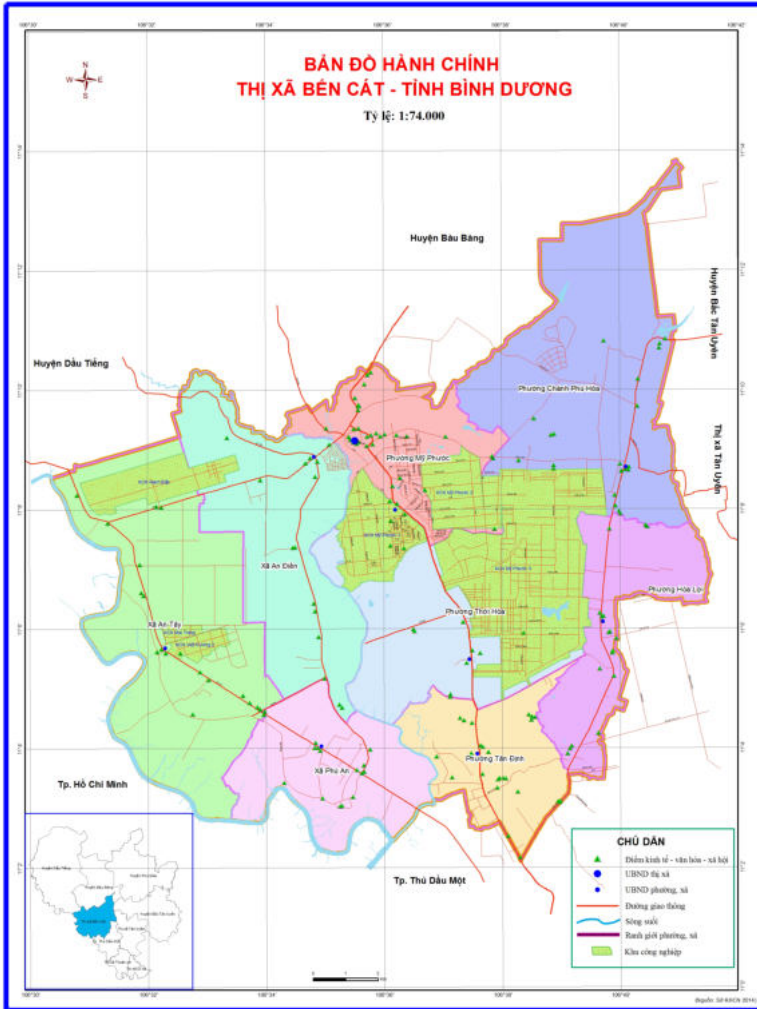
- 1 Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh 99,99% (trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch 75%).
- 2 Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý 99%. Mỗi năm trồng mới 10.000 cây xanh.



Chính trị

- 1 Phấn đấu hàng năm tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành nhiệm vụ 98%, trong đó tỷ lệ hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 85% trở lên.
- 2 Phấn đấu hàng năm đảng viên hoàn thành nhiệm vụ đạt 98%, trong đó tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 85% trở lên.
- 3 Trong nhiệm kỳ, kết nạp mới 500 đảng viên trở lên.
- 4 Phấn đấu thành lập chi bộ trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước đạt chỉ tiêu tỉnh giao.
- 5 Giữ vững Đảng bộ huyện trong sạch, vững mạnh, chính quyền, đoàn thể vững mạnh đạt 90% trở lên.

Thị xã Bến Cát



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 234,35 km².

Dân số trung bình: 318.799 người.

Mật độ dân số: 1.360 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thị xã Bến Cát có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 5 phường: Chánh Phú Hòa, Hòa Lợi, Mỹ Phước, Tân Định, Thới Hòa và 3 xã: An Điền, An Tây, Phú An.

VỊ TRÍ

Thị xã Bến Cát nằm ở trung tâm tỉnh Bình Dương, có sông Sài Gòn và sông Thị Tính chảy qua, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thị xã Tân Uyên và huyện Bắc Tân Uyên

Phía Tây và Tây Nam giáp thành phố Hồ Chí Minh

Phía Tây Bắc giáp huyện Dầu Tiếng

Phía Nam giáp thành phố Thủ Dầu Một

Phía Bắc giáp huyện Bàu Bàng.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030



- Tiếp tục xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, củng cố các tổ chức Đảng, hiệu quả quản lý Nhà nước, phát huy vai trò MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, nhân dân.
- Đưa kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững. Phát triển công nghiệp thị xã gắn liền nhiệm vụ phát triển đô thị, dịch vụ, nâng cao năng suất lao động.
- Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân gắn công tác chăm lo, xây dựng và phát triển con người theo hướng văn minh, tiến bộ; cùng với đó nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, chất lượng cuộc sống của nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

- 1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 11 - 12%, trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 17%, dịch vụ tăng 30%, nông nghiệp tăng 3%.
- 2 Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng bình quân hàng năm từ 12%.
- 3 Duy trì và nâng cao chất lượng nông thôn mới, phấn đấu 1 xã đạt kiểu mẫu về xây dựng nông thôn mới.
- 4 Phấn đấu trong nhiệm kỳ, kết nạp mới 600 đảng viên.

- 5 Hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (theo tiêu chí mới của tỉnh) ở mức bằng hoặc thấp hơn tỷ lệ chung của tỉnh.
- 6 Hàng năm từ 80% tổ chức cơ sở Đảng được xếp loại chất lượng "Hoàn thành tốt nhiệm vụ", 100% tổ chức cơ sở Đảng "Hoàn thành nhiệm vụ".

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH HUYỆN PHÚ GIÁO TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tỷ lệ: 1:126.000



CHÚ DẪN

- Điểm kinh tế - văn hóa - xã hội
- UBND huyện
- UBND xã, thị trấn
- Đường giao thông
- Sông suối
- Ranh giới xã, thị trấn

0 1 2 3 4 km

Huyện Phú Giáo

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 544,44 km².

Dân số trung bình: 97.005 người.

Mật độ dân số: 178 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Phú Giáo có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Phước Vĩnh (huyện lỵ) và 10 xã: An Bình, An Linh, An Long, An Thái, Phước Hòa, Phước Sang, Tam Lập, Tân Hiệp, Tân Long, Vĩnh Hòa.

VỊ TRÍ

Huyện nằm phía Đông Bắc của tỉnh Bình Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp tỉnh Đồng Nai

Phía Tây giáp huyện Bàu Bàng

Phía Nam giáp huyện Bắc Tân Uyên

Phía Bắc giáp tỉnh Bình Phước.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

- 1 Cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ tương ứng là 36,2% - 34,5% - 29,3%.
- 2 Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp đạt 5.929 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 5,5 - 6,5%.
- 3 Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 7.711 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm 12 - 14%.
- 4 Giá trị tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 18.930 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 20 - 22%.
- 5 Số lao động được giải quyết việc làm mới từ 1.000 - 1.200 lao động/ năm.
- 6 Có 10/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (100%). Thu nhập bình quân đầu người đạt 87 triệu đồng/ người vào năm 2025 (theo tiêu chí nông thôn mới).
- 7 Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 0,5% theo tiêu chí mới của tỉnh.
- 8 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95%. 100% trạm y tế xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- 9 100% trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT công lập đạt chuẩn quốc gia.
- 10 Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu đạt 100%.



Tập trung xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên.

Phát huy và khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của huyện kết hợp huy động tối đa các nguồn lực tập trung đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, điện.

Đi đôi với phát triển kinh tế, huyện chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

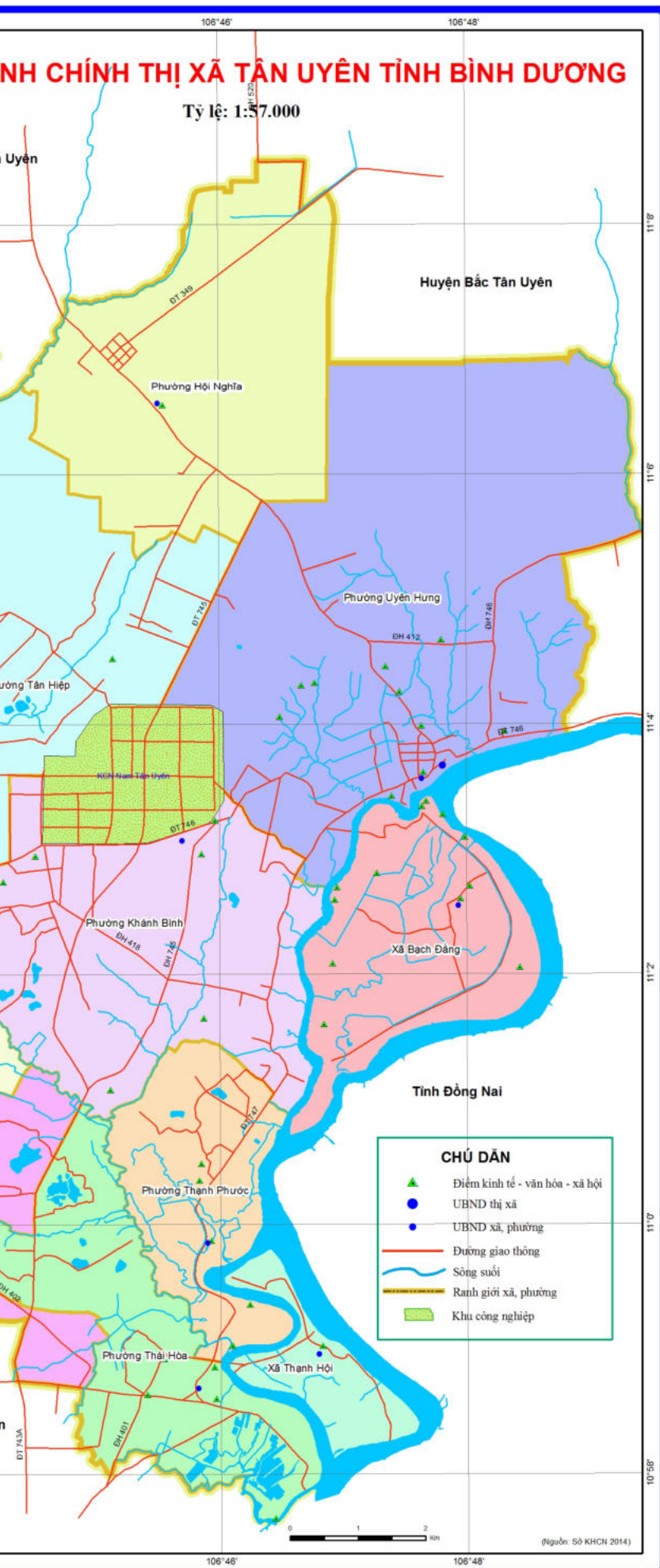
Bảo đảm quốc phòng - an ninh, phấn đấu xây dựng huyện Phú Giáo thành huyện nông thôn mới nâng cao, phát triển bền vững...

- 11 Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để đạt 100%.
- 12 Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt 99%. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 90%.
- 13 Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.
- 14 Đến cuối năm 2025: Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.
- 15 Tỷ lệ hộ dân đô thị sử dụng nước sạch đạt 86%.
- 16 Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, đạt chuẩn quốc gia (từ các công trình cấp nước tập trung) đạt 75%.
- 17 Phấn đấu trong nhiệm kỳ mới kết nạp mới 600 đảng viên, hàng năm có từ 85% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Thị xã Tân Uyên có 12 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 10 phường: Hội Nghĩa, Khánh Bình, Phú Chánh, Tân Hiệp, Tân Phước Khánh, Tân Vĩnh Hiệp, Thái Hòa, Thạnh Phước, Uyên Hưng, Vĩnh Tân và 2 xã: Bạch Đằng, Thạnh Hội.

Diện tích: 191,76 km².
 Dân số trung bình: 382.780 người.
 Mật độ dân số: 1.996 người/km²





VỊ TRÍ

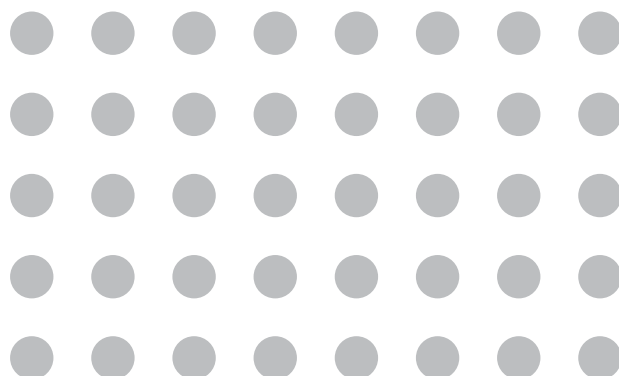
Thị xã Tân Uyên nằm ở phía đông tỉnh Bình Dương, có sông Đồng Nai chảy qua và có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Bắc Tân Uyên và tỉnh Đồng Nai

Phía tây giáp thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Bến Cát

Phía nam giáp các thành phố Dĩ An, Thuận An và tỉnh Đồng Nai

Phía bắc giáp huyện Bắc Tân Uyên.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

- 1 Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển mạnh hạ tầng kinh tế kỹ thuật - xã hội, duy trì tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và bảo vệ môi trường.
- 2 Đẩy mạnh cải cách hành chính, giữ vững quốc phòng - an ninh.
- 3 Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, chính quyền đô thị vững mạnh, toàn diện.
- 4 Đạt các tiêu chí đô thị loại I, xây dựng TP.Thuận An thành đô thị văn minh, giàu đẹp.
- 5 Tốc độ tăng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp 6%/năm;
- 6 Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 23%/năm;
- 7 Tốc độ tăng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp 0,5%/năm;
- 8 Tổng thu ngân sách Nhà nước tăng bình quân 8%/ năm;





- 9 Tổng chi ngân sách Nhà nước tăng bình quân 6%/năm.
- 10 Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 155.661 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 6%/năm.
- 11 Về chỉ tiêu xã hội, phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo 90%.
- 12 Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều mới dưới 2,5%.
- 13 Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia 72%, 100% các trường THCS có sử dụng sổ liên lạc điện tử.
- 14 Số giường bệnh/vạn dân là 31 giường, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%...

Thành Phố Dĩ An



DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

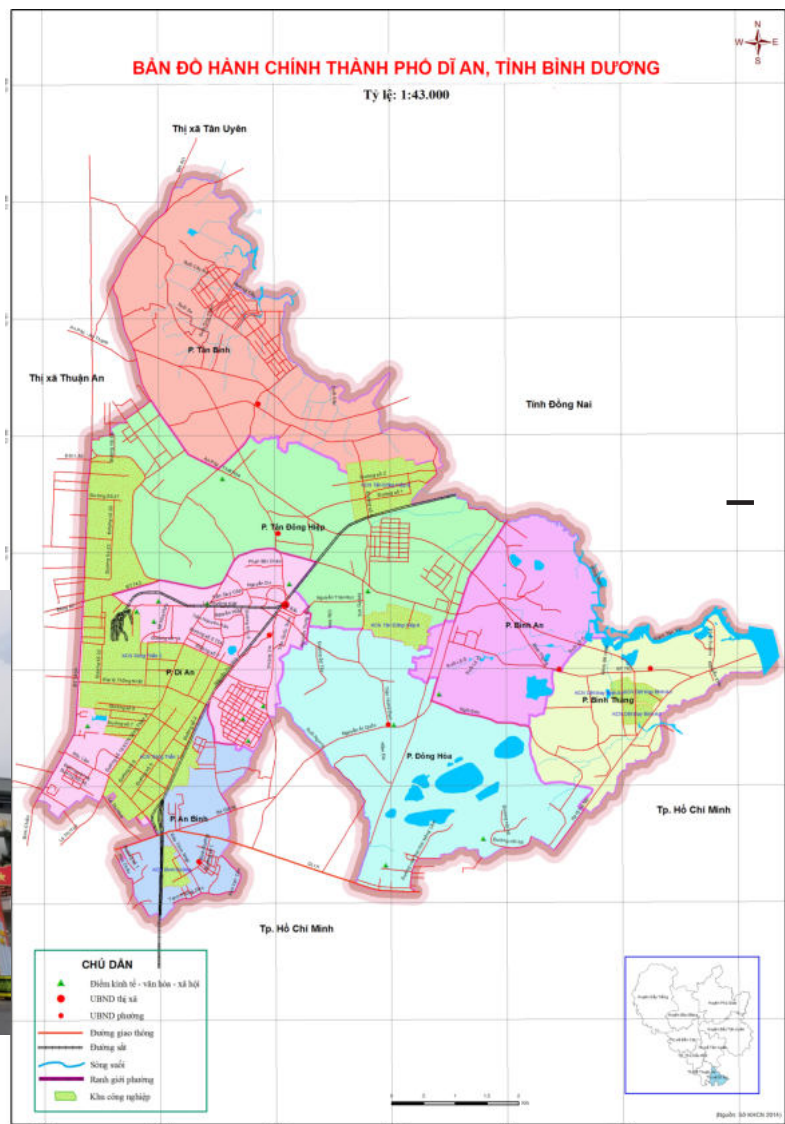
Diện tích: 60,05 km².

Dân số trung bình: 495.710 người.

Mật độ dân số: 8.255 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Dĩ An có 07 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 07 phường: An Bình, Bình An, Bình Thắng, Dĩ An, Đông Hòa, Tân Bình và Tân Đông Hiệp.



VỊ TRÍ

Thành phố Dĩ An nằm ở phía Đông Nam tỉnh Bình Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Phía Tây giáp thành phố Thuận An

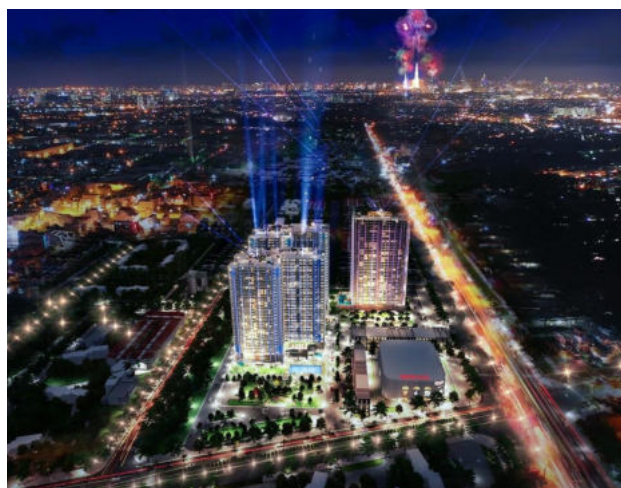
Phía Nam giáp thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Phía Bắc giáp thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và thị xã Tân Uyên.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030



- 1 Giá trị thương mại, dịch vụ tăng bình quân từ 25%/năm trở lên; giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân từ 10%/ năm trở lên; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 2%/năm trở lên.
 - 2 Tổng vốn đầu tư công bình quân 468 tỷ đồng/ năm (tính trên 3 nguồn vốn xổ số kiến thiết, tỉnh hỗ trợ và phân cấp).
 - 3 Phấn đấu 100% tuyến đường thành phố quản lý được đầu tư đồng bộ vỉa hè, cấp và thoát nước, cây xanh, chiếu sáng.
 - 4 100% tuyến đường phường quản lý được nhựa hóa hoặc bê tông hóa.
 - 5 80% trường đạt chuẩn quốc gia trở lên.
 - 6 100% phường đạt chuẩn phổ cập mầm non và THPT bền vững.
 - 7 Phát triển mới từ 600 đảng viên trở lên, mỗi năm có từ 80% trở lên đảng viên đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 20% đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - 8 Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn theo quy định.
- Tập trung xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.
 - Đẩy mạnh cải cách hành chính, không ngừng đổi mới, năng động, sáng tạo, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.
 - Quy hoạch và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng đô thị thông minh, chủ động khai thác lợi thế để thu hút các nhà đầu tư, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, xây dựng TP.Dĩ An phát triển bền vững theo hướng văn minh và hiện đại.
 - Chậm nhất đến cuối năm 2021 được công nhận đô thị loại II và đến năm 2025 cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

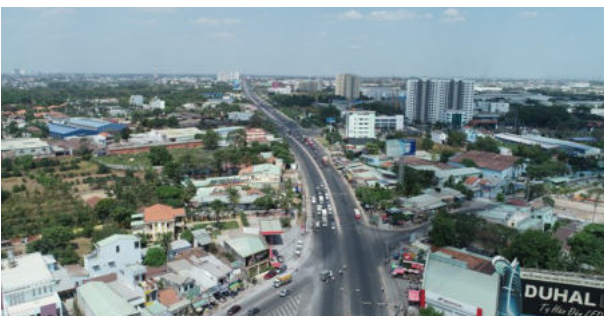
“

Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển mạnh hạ tầng kinh tế kỹ thuật - xã hội, duy trì tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh cải cách hành chính; giữ vững quốc phòng - an ninh.

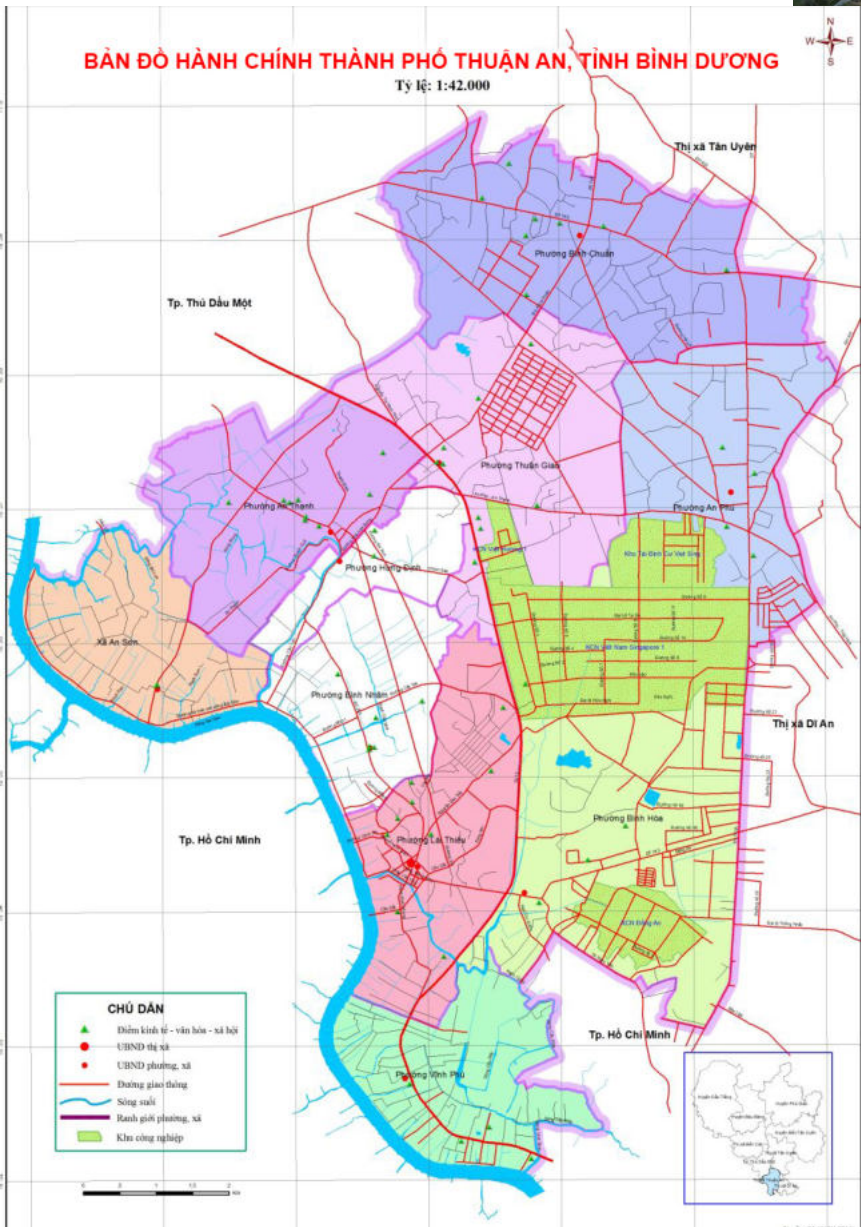
Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, chính quyền đô thị vững mạnh, toàn diện; đạt các tiêu chí đô thị loại I, xây dựng TP.Thuận An thành đô thị văn minh, giàu đẹp.

- 1 Tốc độ tăng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp 6%/năm.
- 2 Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 23%/ năm.
- 3 Tốc độ tăng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp 0,5%/năm.
- 4 Tổng thu ngân sách Nhà nước tăng bình quân 8%/ năm.
- 5 Tổng chi ngân sách Nhà nước tăng bình quân 6%/năm.
- 6 Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 155.661 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 6%/năm.



- 7 Về chỉ tiêu xã hội, phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo 90%.
- 8 Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều mới dưới 2,5%.
- 9 Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia 72%, 100% các trường THCS có sử dụng sổ liên lạc điện tử.
- 10 Số giường bệnh/vạn dân là 31 giường.
- 11 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%...

Thành Phố Thuận An



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Thuận An có 10 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 09 phường: An Phú, An Thạnh, Bình Chuẩn, Bình Hòa, Bình Nhâm, Hưng Định, Lái Thiêu, Thuận Giao, Vĩnh Phú và xã An Sơn.

VỊ TRÍ

Thành phố Thuận An nằm ở phía Nam tỉnh Bình Dương, giữa thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh lỵ tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thành phố Dĩ An

Phía Tây giáp Quận 12 và các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với ranh giới là sông Sài Gòn

Phía Nam giáp Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

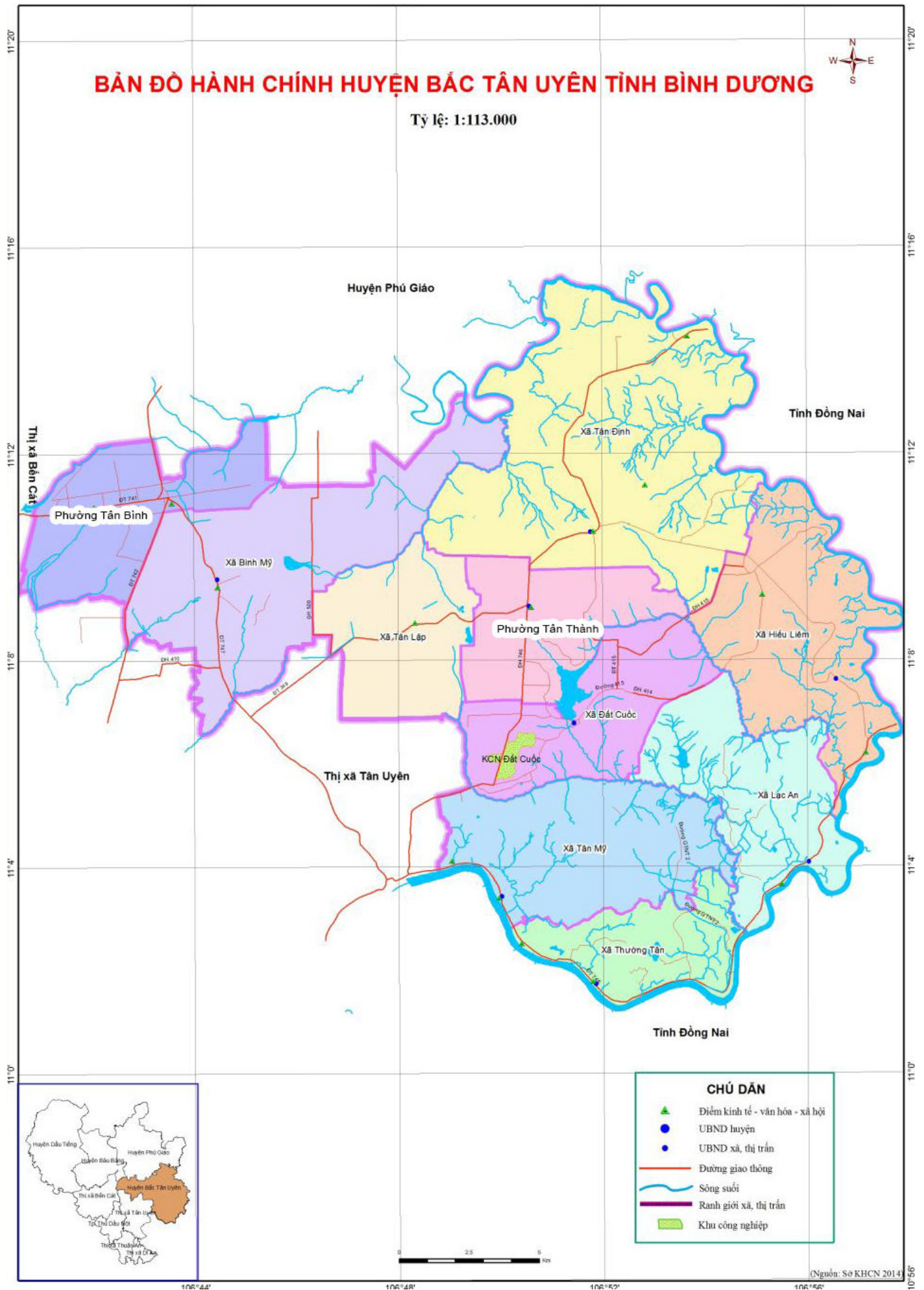
Phía Bắc giáp thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 83,71 km².

Dân số trung bình: 628.234 người.

Mật độ dân số: 7.505 người/km²



Huyện Bắc Tân Uyên

VỊ TRÍ

Huyện Bắc Tân Uyên nằm ở phía Đông tỉnh Bình Dương, có vị trí địa lý:

Phía Đông và phía Nam giáp huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Phía Tây giáp các thị xã Bến Cát, Tân Uyên và huyện Bàu Bàng

Phía Bắc giáp huyện Phú Giáo.

DIỆN TÍCH & DÂN SỐ

Diện tích: 400,30 km².

Dân số trung bình: 72.113 người.

Mật độ dân số: 180 người/km²

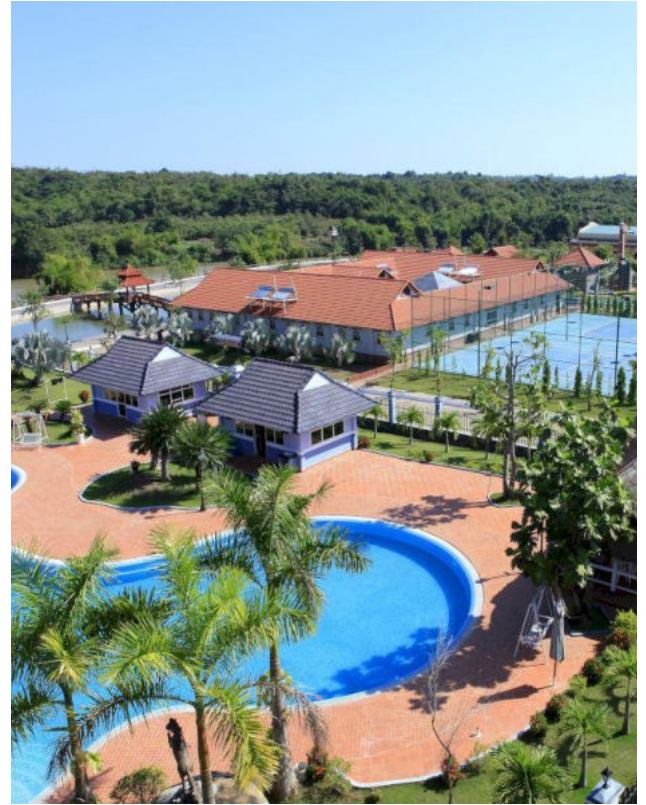
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bắc Tân Uyên có 10 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 2 thị trấn: Tân Thành (huyện lỵ), Tân Bình và 8 xã: Bình Mỹ, Đất Cuốc, Hiếu Liêm, Lạc An, Tân Định, Tân Lập, Tân Mỹ, Thường Tân.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH ĐẾN NĂM 2025 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

- 1 Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng bình quân 3,7 - 4,7%/năm.
- 2 Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 11,5 - 13,5%/năm.
- 3 Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 14 -16%/năm.
- 4 Thu ngân sách tăng bình quân: 8 - 11%/năm.
- 5 Phấn đấu 50% xã được công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao theo quy định, trong đó có từ 1 - 2 xã đạt NTM kiểu mẫu.



- 6 Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia trên 80%.
- 7 Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,9%.
- 8 Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 0,9%/năm.
- 9 Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi thể nhẹ cân 2,81%.
- 10 Đến cuối năm 2025, tỷ lệ bác sĩ đạt 5 bác sĩ/vạn dân, số giường bệnh đạt 13 giường bệnh/vạn dân.
- 11 Duy trì và nâng cao 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế;

- 12 100% xã, thị trấn đạt tiên tiến về y dược cổ truyền.
- 13 Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo tiêu chí của tỉnh đến cuối năm 2025 dưới 2,5%.
- 14 Hàng năm tạo việc làm tăng thêm cho ít nhất 2.000 lao động.
- 15 Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa hàng năm trên 97%.
- 16 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 99%.
- 17 Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ hộ dân đô thị sử dụng nước sạch đạt 65 - 70%.
- 18 Tỷ lệ che phủ cây lâm nghiệp và cây lâu năm đạt ở mức 60 - 65%.
- 19 Tăng cường xây dựng cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh; phấn đấu từ 85% đảng viên trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ; đến hết nhiệm kỳ kết nạp mới 450 đảng viên.



DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN BAN NGÀNH TỈNH BÌNH DƯƠNG

	ĐỊA CHỈ	THÔNG TIN LIÊN LẠC
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Tầng 16, Tháp B, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: 0274) 3.823.381 Email: vpub@binhduong.gov.vn
Sở Văn hoá Thể Thao và Du lịch	Tầng 12B, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3.822.403 Email: sovhttdl@binhduong.gov.vn
Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Tầng 5, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3831 215 Email: bqlkcnc@binhduong.gov.vn
Sở Công Thương	Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3 822 563 Email: soct@binhduong.gov.vn
Sở Giáo Dục - Đào tạo	Tầng 10, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3 825 793 Email: sogddt@binhduong.gov.vn
Sở Giao thông - Vận tải	Tầng 12A, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3 911 944 Email: sgtvt@binhduong.gov.vn
Sở Kế hoạch - Đầu tư	Tầng 4, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3822.926 Email: sokhdt@binhduong.gov.vn
Sở Khoa học - Công nghệ	Tầng 11, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3.822.924 Email: sokhcn@binhduong.gov.vn
Sở Lao động Thương binh & Xã hội	Tầng 6, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3.824.420 Email: soldtbxh@binhduong.gov.vn
Sở Nội vụ	Tầng 18, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3822.335 Email: sonv@binhduong.gov.vn
Sở Ngoại vụ	Tầng 19, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3. 824.805 Email: songoaivu@binhduong.gov.vn
Sở Tài chính	Tầng 2, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3.822.049 Email: sotc@binhduong.gov.vn
Sở Tài nguyên - Môi trường	Tầng 9, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3.822.252 Email: sotnmt@binhduong.gov.vn
Sở Thông tin và Truyền thông	Tầng 14, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274).3 842 999 Email: sotttt@binhduong.gov.vn

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN BAN NGÀNH TỈNH BÌNH DƯƠNG

	ĐỊA CHỈ	THÔNG TIN LIÊN LẠC
Sở Tư pháp	Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3.855.667 Email: sotp@binhduong.gov.vn
Sở Xây dựng	Tầng 7, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3. 827.231 Email: soxd@binhduong.gov.vn
Sở Y tế	Tầng 15, Tháp A, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3.822.639 Email: soyte@binhduong.gov.vn
Thanh tra tỉnh	Tầng 5, Tháp B, Tòa nhà TTHC Tỉnh Bình Dương đường Lê Lợi, P Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3 822 840 Email: ttratinh@binhduong.gov.vn
Thành phố Thủ Dầu Một	Số 01, Quang Trung, P Phú Cường, TP Thủ Dầu Một	ĐT: (0274) 3 822 629 Email: vpubtdm@binhduong.gov.vn
Huyện Bàu Bàng	NC Khu đô thị Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng	ĐT: 0274. 3 516 512 Email: vpubbaubang@binhduong.gov.vn
Huyện Dầu Tiếng	Khu phố 4B, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng	ĐT: 0274.3 561.101 Email: vpubdautieng@binhduong.gov.vn
Thị xã Bến Cát	Khu phố II, Mỹ Phước, Bến Cát	ĐT: (0274) 3 564 326 Email: vpubbencat@binhduong.gov.vn
Huyện Phú Giáo	Khu phố 2, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo	ĐT: (0274) 3 672 573
Thị Xã Tân Uyên	Phường Uyên Hưng, Tân Uyên	ĐT: (0274) 3 656 241 Email: vpubtanuyen@binhduong.gov.vn
Thành Phố Dĩ An	Nguyễn An Ninh, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An	ĐT: (0274) 3 731 145
Thành Phố Thuận An	Phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An	ĐT: (0274) 3. 755 202
Huyện Bắc Tân Uyên	Thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên	ĐT: 0274. 3 683 125 Email: vpubbactanuyen@binhduong.gov.vn

Đại hội Đảng bộ các cấp của Tỉnh Bình Dương nhiệm kỳ 2020-2025

Nội dung:

Đại hội Đảng bộ Thành phố Thủ Dầu Một Lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025:

<https://bit.ly/3wVuvv7>

Huyện Bàu Bàng:

Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Bàu Bàng lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025:

<https://bit.ly/3dci2vu>

Huyện Dầu Tiếng:

Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Dầu Tiếng thứ V, nhiệm kỳ 2020-2025:

<https://bit.ly/3xNX4ef>

Thị xã Bến Cát:

Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Bến Cát thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025:

<https://bit.ly/3dcicD6>

Huyện Bắc Tân Uyên:

Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Tân Uyên thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025:

<https://bit.ly/3jcHHRf>

Huyện Phú Giáo:

Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Phú Giáo lần thứ V, nhiệm kỳ 2020-2025:

<https://bit.ly/2SXvDA0>

Thị xã Tân Uyên:

Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Tân Uyên thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025:

<https://bit.ly/3jdbwsc>

Thành Phố Dĩ An:

Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Dĩ An thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025:

<https://bit.ly/3jdr0MW>

Thành Phố Thuận An:

Nội dung Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Thuận An thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025:

<https://bit.ly/2U2Cube>



TÀI LIỆU THAM KHẢO

"Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Bình Dương"
Trích Kết quả sơ bộ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019
của Cục Thống kê tỉnh Bình Dương

Đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Mật độ dân số (Người/km ²)	Dân số trung bình
Bình Dương	2.694,64	953	2.568.589
Thành phố Thủ Dầu Một	118,91	2.959	351.893
Huyện Bàu Bàng	340,02	295	100.328
Huyện Dầu Tiếng	721,10	169	121.727
Thị xã Bến Cát	234,35	1.360	318.799
Huyện Phú Giáo	544,44	178	97.005
Thị xã Tân Uyên	191,76	1.996	382.780
Thành phố Dĩ An	60,05	8.255	495.710
Thành phố Thuận An	83,71	7.505	628.234
Huyện Bắc Tân Uyên	400,30	180	72.113



